TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 25 – 7 – 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Lam

2. Bà Đặng Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T *tham gia phiên toà:* Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường A – Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐST – HNGĐ ngày 08/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thanh T, sinh năm: 1990; nơi đăng ký HKTT: số nhà 333, khu 3, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ cư trú: số nhà 181, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Minh Th, sinh năm: 1987; Địa chỉ cư trú: số nhà 181, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thanh T trình bày:

Chị và anh Phạm Minh Th quen biết tìm hiểu nhau khoảng hai năm thì tự nguyện tiến tới kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 20/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ chồng. Thời gian đầu chung sống vợ chồng đã xảy ra bất hòa, nguyên nhân do anh Th không chuyên tâm làm ăn lo cho gia đình, tụ tập bạn bè uống rượu, không quan tâm đến vợ con. Năm 2015 giữa chị T và cha chồng bất hòa nên vợ chồng chị thuê nhà trọ tại địa chỉ:

số 181, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai chung sống cho đến nay. Thời gian chung sống anh Th không có thiện chí sửa đổi, mỗi khi vợ chồng bất hòa anh Th không có biện pháp hòa giải, nên mâu thuẫn không giải quyết được. Từ khi anh Th biết chị T khởi kiện đến nay anh có biểu hiện tích cực hơn và tìm biện pháp hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên chị T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Th nên không muốn đoàn tụ, tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Minh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có một con chung là Phạm Ngô Thảo N, sinh ngày: 20/12/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu N đang sống cùng với chị và anh Th. Chị T hiện là công nhân, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đ/tháng. Chị đã cung cấp bảng lương cho Tòa án để chứng minh thu nhập của mình.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung.

** Bị đơn anh Phạm Minh Th vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thanh T.*

** Quá trình giải quyết vụ án con chung của chị T, anh Th là cháu Phạm Ngô Thảo N trình bày:* Hiện cháu học lớp 2, sống cùng với cha mẹ. Trong cuộc sống sinh hoạt thì mẹ là người trực tiếp chăm lo cho cháu. Cha cháu hay vắng nhà. Trường hợp cha mẹ cháu sống mỗi người một nơi cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

** Theo biên bản xác minh ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị T và anh Th, được thực hiện tại nơi cư trú của các đương sự, thể hiện:* Chị T, anh Th hiện đang chung sống tại địa phương, tuy nhiên anh Th không có công việc ổn định, thường tụ tập bạn bè uống rượu. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm được.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:* Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp: đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Th không yêu cầu; Về chia tài sản không đặt ra xem xét; Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Ngô Thanh T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Phạm Minh Th có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Th đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị T, anh Th tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2011, có đăng ký kết hôn, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân giữa chị T và anh Th là hợp pháp. Ngày 24/01/2019 chị T có đơn xin ly hôn với anh Th, tại thời điểm yêu cầu ly hôn thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực. Do đó cần áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm căn cứ xem xét, giải quyết yêu cầu của chị T.

[2.2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Th không đến Tòa án làm việc cũng như không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả xác minh, lời khai của chị T đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị T và anh Th có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh Th không chuyên tâm làm ăn lo cho gia đình. Theo chị T thời gian chị yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh Th đã có những biểu hiện tích cực sửa chữa, tuy nhiên quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập anh Th đến Tòa để hòa giải đoàn tụ theo quy định nhưng anh Th không đến Tòa làm việc, qua đó thể hiện việc anh Th không quyết tâm bảo vệ quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Bên cạnh đó theo chị T từ giữa năm 2018 bản thân chị đã có ý định muốn ly hôn nhưng được cha mẹ hòa giải và suy nghĩ vì con nên chị không khởi kiện, tuy nhiên đến nay cuộc sống gia đình vẫn không hạnh phúc, bản thân chị cho rằng nếu yêu cầu của chị không được chấp nhận thì chị cũng không về chung sống cùng anh Th. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa anh Th và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, cho ly hôn giữa chị T và anh Th.

[2.3] Quá trình chung sống chị T và anh Th có một con chung là cháu Phạm Ngô Thảo N, sinh ngày: 20/12/2011. Hiện nay con chung đang sống chung với chị T và anh Th. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị T thì thấy, hiện cháu N được đến trường theo đúng độ tuổi, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Ngoài ra chị T có thu nhập ổn định, mặt khác quá trình giải quyết vụ án anh Th không có ý kiến gì đối với con chung. Do đó việc giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, bảo vệ được quyền lợi về mọi mặt của con cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu N.

[2.4] Tòa án đã giải thích pháp luật về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên chị T vẫn không yêu cầu

anh Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5] Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét. Vợ chồng không có nợ chung.

[3] Chị T là nguyên đơn trong vụ án này nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11, 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83, 84, 110, 116 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị Ngô Thanh T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thanh T và anh Phạm Minh Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Ngô Thảo N, sinh ngày: 20/12/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục… Tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Phạm Minh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết anh Phạm Minh Th, chị Ngô Thanh T được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con…

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Ngô Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 001640 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thanh T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Minh Th được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. T;
- CC.THADS H. T;
- UBND xã H, H. T
  (số 66, ngày 20/7/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Nga